

SỰ THAM GIA CỦA TÂY BAN NHA TRONG CÁCH MẠNG MỸ (1774-1783)

Ths. Trịnh Nam Giang

Khoa Lịch sử - Đại học Sư phạm Hà Nội

Cuối thế kỉ XVIII, Tây Ban Nha không phải là cường quốc hàng đầu ở châu Âu nhưng vẫn được xem là một thế lực quan trọng trên chính trường khu vực và thế giới. Do vậy, trong quá trình tìm kiếm sự viện trợ từ bên ngoài mà chủ yếu là từ phía các cường quốc châu Âu, các nhà lãnh đạo Cách mạng Mỹ (1774-1783) đã không thể bỏ qua vương triều Madrid. Năm 1780, Đại hội Lục địa Philadelphia đã cử đại diện ngoại giao là John Jay đến Tây Ban Nha để tìm kiếm sự công nhận nền độc lập của Mỹ và nguồn viện trợ cho cách mạng.

Lúc đầu, xuất phát từ lòng hận thù nước Anh và một phần bị thuyết phục bởi các chính khách Paris, vương triều Tây Ban Nha cũng tỏ ra rất hăng hái với kế hoạch viện trợ cho 13 thuộc địa Mỹ – “*kẻ thù của kẻ thù*” đối với họ (*The enemy of their enemy*). Tuy nhiên, khác với nước Pháp, Tây Ban Nha còn thuộc địa ở Bắc Mỹ (Louisiana) và rất nhiều thuộc địa quan trọng khác liên kề ở Trung và Nam Mỹ. Chính vì thế, nỗi lo ngại về khả năng Cách mạng Mỹ sẽ ảnh hưởng xấu đến các thuộc địa của mình, và mối đe dọa từ sự lớn mạnh, mở rộng của nước Mỹ trong tương lai đã khiến cho Tây Ban Nha

không có nhiều nhiệt tâm lớn giống người Pháp là đi theo Cách mạng Mỹ đến thắng lợi cuối cùng. Họ chỉ muốn chiến tranh kéo dài để người Anh không có điều kiện giúp đỡ đồng minh Bồ Đào Nha và đó sẽ là cơ hội tốt cho Tây Ban Nha giành chiến thắng trong cuộc tranh giành thuộc địa ở Tây Ấn với nước này. Chiến tranh kéo dài cũng đồng nghĩa với việc làm cho người Anh mệt mỏi, suy yếu và chỉ riêng điều này cũng đủ làm hạ bệ những ai thù ghét nước Anh, trong đó có Tây Ban Nha. Đối với nước Mỹ, Tây Ban Nha không có trông đợi gì nhiều về chính trị mà chỉ muốn giữ nước cộng hòa mới này ở cương vị một nước khách hàng mà thôi. Với những tính toán như vậy, việc Tây Ban Nha tham gia và đóng góp vào Cách mạng Mỹ có rất nhiều đặc điểm thú vị và ngày nay không phải đã hoàn toàn sáng tỏ.

1. Trước hết, việc Tây Ban Nha dính líu vào Cách mạng Mỹ thế kỉ XVIII phần lớn là kết quả của một quá trình thuyết phục, lôi kéo từ phía Pháp (đồng minh chính thức của Mỹ từ tháng 2 năm 1778).

Rõ ràng, dù cũng mong muốn trả thù nước Anh, nhưng với những lo ngại về lợi ích riêng, vương triều Madrid không dễ gì

mà chủ động lựa chọn cho mình việc mạo hiểm tham gia một cuộc đối đầu trực tiếp với Anh như vậy.

Từ lúc có ý định dính líu vào Cách mạng Mỹ, các chính khách Pháp đã ra sức lôi kéo Tây Ban Nha cùng ủng hộ nước Mỹ. Nước Pháp và Tây Ban Nha ở thế kỉ XVIII có một mối quan hệ đồng minh – họ hàng hết sức đặc biệt được hình thành từ sau Chiến tranh thừa kế Tây Ban Nha (1701-1714) với việc cháu của Louis XIV lên ngôi vua Tây Ban Nha. Mối quan hệ giữa hai vương triều Bourbon này chính thức được xác nhận và khẳng định thông qua việc kí kết một loạt “*Những thỏa thuận gia đình*” (Family Compacts) vào các năm 1733, 1743 và 1761. Và với “*Những thỏa thuận gia đình*” được kí kết vào năm 1761, mối quan hệ đồng minh gia đình Pháp – Tây Ban Nha ở thời điểm bùng nổ Cách mạng Mỹ vẫn còn nguyên giá trị và hiệu lực¹. Chính vì vậy, người Pháp đã tri hoãn việc công bố Hiệp ước Liên minh Pháp - Mỹ ở Paris để có thêm thời gian bàn bạc và hội ý với người đồng minh họ hàng của mình. Nước Pháp hy vọng rằng, với điều khoản 10 của Hiệp ước Liên minh Pháp – Mỹ (để ngỏ khả năng cho các nước châu Âu khác cùng tham gia)² và với lòng mong muốn trả thù nước Anh - kẻ thù chung của cả Pháp và Tây Ban Nha, Tây Ban Nha sẽ chấp

thuận gia nhập Hiệp ước Liên minh với Pháp, Mỹ. Nước Pháp cũng tin tưởng rằng sự tham gia của lực lượng hải quân Tây Ban Nha sẽ giúp Pháp cân bằng lại sự thua kém về số lượng tàu biển so với nước Anh.

Tuy nhiên, đối với nước Pháp lúc bấy giờ, Tây Ban Nha là một đồng minh rất đồng đánh, khó kiểm soát và thuyết phục, thậm chí đôi khi còn phải nói là một đồng minh có tính chất “*hai mặt*”. Nguyên nhân của thực trạng này là do cả người Tây Ban Nha và người Pháp đều luôn ngầm biết với nhau rằng: “*Ở thế kỉ 17, nước Pháp đã trở nên lớn mạnh bởi những tài sản cuồn được của Tây Ban Nha*”³. Do đó, mối quan hệ đồng minh - họ hàng trên thình thoảng vẫn nhuốm màu thù địch, dè chừng từ phía Tây Ban Nha và điều đó khiến Tây Ban Nha mặc dù duy trì “*Những thỏa thuận gia đình*” song vẫn luôn tìm cách hành động riêng rẽ theo ý mình, không muốn bị người đồng minh họ hàng nguy hiểm kia kiểm soát.

Đối với Cách mạng Mỹ, lúc đầu, các chính khách Tây Ban Nha cũng khá hào hứng với việc tham gia giúp đỡ “*kẻ thù của kẻ thù*” và trên thực tế đã đóng góp 1 triệu lĩve trong kế hoạch viện trợ bí mật cho Cách mạng Mỹ do người Pháp khởi xướng. Song, về sau khi Bá tước vùng Floridablanca (tên thật là José Mõnino y Redondo) lên nắm quyền Bộ trưởng Ngoại giao thay cho Grimaldi (1777), thái độ của Tây Ban Nha

¹ James Breck Perkins, 1911. *France in the American Revolution*. Houghton Mifflin, Boston, pp.499-500.

² http://avalon.law.yale.edu/18th_century/fr1788-2.asp

³ James Breck Perkins, 1911. Sdd, pp.511.

đối với Cách mạng Mỹ trở nên dè dặt hơn. Vốn nổi tiếng là một con người khôn ngoan, thận trọng, bá tước Floridablanca đã tính toán rất kỹ lưỡng để mỗi dính líu về chính trị của Tây Ban Nha đều phải phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia và đem lại nhiều lợi ích nhất. Mặc dù Floridablanca cũng nung nấu ý định trả thù nước Anh (thậm chí tháng 8/1778 ông ta còn chủ động đề nghị với Montmorin – đại diện ngoại giao Pháp ở Madrid kẻ hoạch xâm lược nước Anh dưới tư cách một ý kiến cá nhân), song cái đích mà ông ta cũng như toàn thể giới lãnh đạo Tây Ban Nha hướng tới không phải là nền độc lập của một nước Mỹ bên kia Đại Tây Dương (giống như người Pháp) mà thiết thực hơn đó là những vùng đất đã bị mất về tay người Anh trước đây, trong đó quan trọng nhất là Gibraltar. Với người Tây Ban Nha, nếu họ phải tham gia chiến tranh chống nước Anh thì cũng chỉ vì động cơ là giúp cho việc lấy lại những vùng đất đã mất trên bàn thương lượng hòa bình với nước Anh dễ dàng hơn.

Nắm bắt được tâm lý của nước đồng minh “đồng danh” trên, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp Vergennes đã chỉ thị cho Montmorin đánh vào lòng ưa thích hào quang của vua Tây Ban Nha bằng cách cam kết rằng: Nếu Tây Ban Nha tham gia chiến tranh chống Anh, nước Pháp sẽ chỉ đồng ý thiết lập hòa bình khi nào Tây Ban Nha lấy lại được Gibraltar, Florida và Jamaica từ tay Anh (Jamaica là phần lãnh thổ mà Tây Ban

Nha mất vào tay Anh ở thế kỉ XVII). Cuối tháng 11/1778, Floridablanca tuyên bố quyết định đi cùng Pháp trong cuộc chiến tranh chống Anh nhưng tiếp tục đề nghị một kế hoạch xâm lấn nước Anh⁴. Trước mong muốn của Floridablanca rằng cuộc chiến tranh chống Anh phải bao gồm cả cuộc xâm lấn nước Anh, đầu năm 1779, người Pháp buộc phải miễn cưỡng soạn thảo một kế hoạch hành động phối hợp ở châu Âu giữa quân Pháp và Tây Ban Nha, đồng thời đưa ra lời hứa sẽ tiến hành ngay kế hoạch này với mục tiêu xâm lược nước Anh. Và cuối cùng, với nhiều nỗ lực dàn xếp chủ yếu từ phía Pháp, ngày 12-04-1779, hai nước Pháp và Tây Ban Nha đã kí kết Hiệp ước bí mật Aranjuez, trong đó tuyên bố nhiều mục tiêu chung cùng theo đuổi của hai quốc gia⁵. Những điều khoản cụ thể của Hiệp ước này chưa từng được công bố nhưng người ta biết được rằng trong khi kí kết, người Tây Ban Nha đã khéo léo từ chối được việc công nhận độc lập của các thuộc địa Mỹ cũng như từ chối tham gia Hiệp ước Liên minh Pháp – Mỹ. Hai tháng sau khi kí Hiệp ước trên, tháng 6/1779, Tây Ban Nha chính thức tuyên bố chiến tranh với nước Anh. Kết quả của sự kiện này là: “*Mặc dù nước Mỹ không có thêm một đồng minh mới nhưng người Anh*

⁴ Jonathan R. Dull, 1975. *The French Navy and American Independence A Study of Arms and Diplomacy 1774 – 1787*. Princeton University Press, New Jersey, pp.132-133.

⁵ <http://www.netplaces.com/american-revolution/an-international-war/spain-and-the-netherlands-join-the-war.htm>

*có thêm một nước kẻ thù và hành động của Tây Ban Nha kích thích thêm nhiệt tình ở châu Mỹ cũng như ở nước Pháp*⁶

Như vậy, với việc thỏa mãn ý muốn của Tây Ban Nha bằng cam kết đảm bảo cho nước này lấy lại được những gì đã mất từ tay Anh (nhất là Gibraltar), người Pháp đã lôi kéo thêm một nước châu Âu khác - nước đồng minh, họ hàng của mình - dính líu vào cuộc Chiến tranh Giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ. Đây được xem là hệ quả trực tiếp đầu tiên của mối quan hệ đồng minh Pháp - Mỹ vừa được thiết lập và tất nhiên là một hệ quả rất tích cực đối với người Mỹ. Tuy nhiên, đối với người Pháp, những cam kết đề đòi lấy sự tham gia của Tây Ban Nha vào cuộc chiến tranh chống Anh như trên dường như chỉ là một sự bắt đầu cho hàng loạt những rắc rối, bất lợi sau này mà họ phải hứng chịu từ người đồng minh - họ hàng này. Còn đối với Tây Ban Nha, Hiệp ước Aranjuez với nước Pháp là lá bài đảm bảo cho quyền lợi của Tây Ban Nha trong "canh bạc" mạo hiểm ở Bắc Mỹ.

2. Chính thái độ "nước đôi", lập lờ của Tây Ban Nha cả trước và sau khi tham gia cuộc chiến chống Anh (trước và sau năm 1779) đã gây khó khăn và phức tạp trong việc đánh giá vai trò của Tây Ban Nha trong Cách mạng Mỹ (1774-1783).

Trong cuộc chiến tranh chống Anh này, Tây Ban Nha chấp nhận là đồng minh của

Pháp nhưng lại không đồng ý thiết lập quan hệ đồng minh với Mỹ và không công nhận độc lập của nước Mỹ. Ngay cả trong mối quan hệ đồng minh với nước Pháp, với những tham vọng quá lớn và tính khí khó chiều, Tây Ban Nha thực sự là "*một kẻ thù dùng giả và một người bạn hao tiền tốn của*" của nước Pháp⁷. *Tuy còn nhiều vấn đề bàn cãi song Tây Ban Nha vẫn chiếm giữ một vai trò nhất định trong cuộc chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ.*

Trước tiên, về mặt tài chính, người ta có thể thấy ngay sự chênh lệch rất lớn so với những đóng góp của người Pháp. Theo Samuel F. Bemis (1957), từ năm 1776 - 1779, Tây Ban Nha đã trợ cấp cho quân đội Mỹ 397.230 USD và toàn bộ số tiền nước này cho người Mỹ vay (thông qua Oliver Pollock - thương gia người Mỹ gốc Ireland - đại diện thương mại của Đại hội Lục địa và John Jay - đại diện ngoại giao Mỹ ở Madrid từ tháng 1/1780) là 248.098 USD⁸. Ngoài ra, theo một số nghiên cứu chuyên biệt, các sử gia Mỹ. Tây Ban Nha còn cho rằng nhờ vai trò thống trị của Tây Ban Nha ở Havana mà tháng 8/1781, đô đốc de Grasse đã vay được nhanh chóng một số tiền lớn là 1.000.000 Piastres (tương đương 5 triệu livre) để chi trả cho quân đội viễn chinh Pháp theo yêu cầu của

⁷ James Breck Perkins, 1911. Sđd, p 511.

⁸ Samuel F. Bemis (1957). *The Diplomacy of the American Revolution*. Bloomington: Indiana University Press, p.93.

⁶ James Breck Perkins, 1911. Sđd, p.511

Rochambeau⁹ và số tiền này ngay sau đó đã được sử dụng hiệu quả trong chiến dịch Yorktown.

Về mặt quân sự, so với Pháp, Tây Ban Nha có nhiều điều kiện thuận lợi hơn để tiến hành các hoạt động quân sự trực tiếp, hiệu quả trên đất Bắc Mỹ bởi ở thời điểm Cách mạng Mỹ bùng nổ, nước này đang chiếm giữ một vùng lãnh thổ rộng lớn ở phía Tây sông Mississippi (bao gồm cả Louisiana) và Mexico. Những hoạt động quân sự của Tây Ban Nha ở Bắc Mỹ gắn liền với vai trò của Bernardo de Galvez - Thống đốc Louisiana từ tháng 2/1777. Với nhiệt tình cá nhân, trước khi Tây Ban Nha tuyên bố tham gia chiến tranh chống Anh, Galvez đã có nhiều hoạt động tích cực giúp đỡ Cách mạng Mỹ, tiêu biểu nhất là việc tạo điều kiện thuận lợi cho tàu Mỹ neo đậu trong vịnh và ngược sông Mississippi đem nguồn viện trợ của Pháp - Tây Ban Nha những năm 1776-1777 đến cho quân đội Mỹ trong khi lại thực hiện chính sách đóng cửa sông đối với người Anh, và giúp các chiến dịch của George Rogers Clark thành công ở các khu vực giáp ranh dãy Allegheny... Ngay sau khi Tây Ban Nha tuyên chiến với nước Anh, ngày 21/6/1779, Galvez được giao chức chỉ huy toàn bộ lực lượng quân đội thuộc địa Tây Ban Nha ở Bắc Mỹ. Với việc thuyết phục

thành công các thống đốc người Tây Ban Nha ở các thuộc địa khác (Mexico, Havana) và các đô đốc hải quân đến từ Tây Ban Nha, Galvez đã huy động được những lực lượng quân đội lớn để tổ chức thắng lợi các chiến dịch dọc sông Mississippi và các trận đánh chiếm Mobile và Pensacola (thủ phủ Tây Florida). Chưa đầy một năm, người Tây Ban Nha đã nắm quyền kiểm soát toàn bộ khu vực vịnh từ Louisiana đến Mobile (chiếm được từ tay Anh ngày 14/3/1780). Tiếp đó, sau khi chiếm Pensacola và tăng cường các hoạt động mở rộng đánh chiếm những vùng khác thuộc Florida, Tây Ban Nha đã hầu như ngăn chặn hoàn toàn khả năng cung cấp cho quân đội từ phía Nam của người Anh. Nhìn chung ở chiến trường Bắc Mỹ, hoạt động của quân đội Tây Ban Nha chủ yếu tập trung ở mục tiêu xâm lược các thuộc địa phía Nam của Anh; không chỉ là Florida mà còn mở rộng đến các vùng đảo của Anh ở Tây Ấn. Người ta có thể nhận thấy sự tham gia của quân đội Pháp trong các chiến dịch của Tây Ban Nha, nhưng không hề nhận thấy sự tham gia của quân đội Tây Ban Nha trong các chiến dịch của liên quân Pháp - Mỹ. Chính những đặc điểm khác biệt như trên đã là cơ sở cho những chỉ trích rằng: Người Tây Ban Nha không hề quan tâm đến Cách mạng Mỹ mà chỉ lợi dụng lúc người Anh đang bận bịu với sự kiện này để thu lợi cho riêng mình bằng cách đánh chiếm lại những vùng lãnh thổ bị mất về tay Anh trước đây. Tuy nhiên, xét một cách khách quan, hoạt động tích cực

⁹ Jonathan R. Dull, 1975 *The French Navy and American Independence: A Study of Arms and Diplomacy 1774 - 1787* Princeton University Press, New Jersey, p.245

của quân đội Tây Ban Nha ở phía Nam nước Mỹ đã góp phần “chia lửa” rất đáng kể với liên quân Pháp - Mỹ ở phía Bắc. Ngoài ra, sự xuất hiện của hải quân Tây Ban Nha ở các vùng Địa Trung Hải (nhất là ở Gibraltar), Caribbean đã khiến cho quân Anh cũng bị phân tán lực lượng ít nhiều, gián tiếp giúp cho Cách mạng Mỹ có nhiều điều kiện thuận lợi hơn để đi đến đích cuối cùng.

Về mặt ngoại giao, Tây Ban Nha thể hiện một thái độ rất “nước đôi” đối với số phận của các thuộc địa Bắc Mỹ. Trước khi chính thức tham gia chiến tranh, bà tước Floridablanca – Bộ trưởng Ngoại giao của Tây Ban Nha vẫn cố gắng gạ gẫm người Anh trả lại Gibraltar để đòi lấy sự trung lập của Tây Ban Nha và thậm chí nếu người Anh muốn mặc cả thêm, nước này cũng sẵn sàng đóng vai trò thuyết phục nước Pháp từ bỏ Liên minh Pháp - Mỹ. Việc Tây Ban Nha bước vào cuộc chiến đã được thừa nhận là kết quả của sự dặt dầy từ nước Pháp và do vậy, ngay cả khi đã tuyên chiến với nước Anh, ý đồ về vụ dổi chác trên vẫn không hoàn toàn tan biến. Điều đó đã dẫn đến việc triều đình Madrid lần nữa trong việc chấp nhận John Jay (đến Madrid từ tháng 1/1780 theo chỉ thị của Đại hội Lục địa) với tư cách là đại diện của nước Mỹ cộng hòa. Hơn hai năm ở trong sự dỗi xù như vậy của người Tây Ban Nha thực sự là quãng thời gian vô cùng khó chịu và bức bối đối với John Jay. Cuối cùng, tháng 6/1782, Jay buộc trở về Paris mà không đạt được bất cứ một hiệp

ước liên minh hay một sự công nhận độc lập nào từ phía Madrid. Rõ ràng, đối với giới ngoại giao Tây Ban Nha, Gibraltar luôn có giá trị hơn hẳn nền độc lập của nước Mỹ. Và chính quan điểm này đã khiến Tây Ban Nha trở thành “hòn đá cản đường” trong mối quan hệ đồng minh Pháp - Mỹ và đặc biệt là trong cuộc thương lượng hòa bình giữa nước Anh và nước Pháp sau này.

3. Tham vọng giành lại Gibraltar của Tây Ban Nha đã được nước Anh lợi dụng để làm khó Pháp trong quá trình thương lượng hòa bình và khiến cho người Pháp càng thêm ngán ngẫm ông bạn đồng minh Tây Ban Nha.

Từ sau chiến thắng của Liên minh Pháp Mỹ tại Yorktown (10/1781), các cuộc thương lượng hòa bình Anh – Mỹ, Anh – Pháp đã lần lượt được tiến hành và chiến tranh cũng đang nhanh chóng đi vào hồi kết thúc. Trong khi nước Pháp mong mỏi hòa bình và tích cực thương lượng thì Tây Ban Nha xem chừng vẫn quyết tâm theo đuổi đến cùng việc giành lại Gibraltar từ tay Anh. Thêm vào đó, nước đồng minh họ hàng của Pháp này còn có một tham vọng to lớn đối với miền Tây nước Mỹ (nhất là quyền sử dụng dòng sông Mississippi) và tỏ ra chẳng thích thú gì với việc công nhận chính thức độc lập của nước Mỹ. Đến thời điểm hòa bình đang gần kề này, người ta lại có cơ hội nhìn nhận rõ hơn về mối quan hệ đồng minh Pháp - Tây Ban Nha. Có người đã nói rằng:

“Những gì mà mọi người tin là cội nguồn sức mạnh lại có thể luôn là cội nguồn của sự yếu kém và để làm rõ cho sự thật này trong chính trị không có minh họa nào tốt hơn mối quan hệ giữa nước Pháp và Tây Ban Nha trong thế kỉ XVIII”¹⁰ Và chắc chắn sẽ không có một minh họa nào rõ hơn cho mối quan hệ Pháp - Tây Ban Nha thế kỉ XVIII bằng cuộc thương lượng đi đến hòa bình với nước Anh những năm 1782-1783. Vốn đã quen chịu đựng tình hình đồng danh của người đồng minh họ hàng Tây Ban Nha và với lời cam kết giúp lấy lại Gibraltar đã đưa ra trước đây nhằm lôi kéo Tây Ban Nha vào cuộc chiến tranh chống Anh, nước Pháp vẫn phải tiếp tục cuộc thương lượng với nước Anh, vì thế, chưa thể kết thúc được chiến tranh và thiết lập hòa bình. Cuộc thương lượng tay ba Anh - Pháp - Tây Ban Nha gần như đã rơi vào bế tắc với Gibraltar là *“hòn đá cản đường”*.

Để giải quyết bế tắc, vua Tây Ban Nha đã đề nghị nước Pháp nhượng Corsica cho Anh để đổi lấy Gibraltar cho Tây Ban Nha nhưng vua Pháp không đồng ý vì Corsica là một đảo quá lớn và quá quan trọng so với vụ đổi chác này. Bộ trưởng Thuộc địa Anh William Petty (cũng là bá tước vùng Shelburne và từ tháng 7/1782 là Thủ tướng Anh) liền đề nghị thay thế Corsica bằng Guadeloupe và Dominica hoặc Martinique và Sainte-Lucie. Trên cơ sở xác định rằng

nước Pháp dù sao cũng sẽ phải hy sinh một thứ gì đó để đổi lấy quyền lợi cho đồng minh, chính phủ Pháp đã quyết định hy sinh Guadeloupe và Dominica - hai thuộc địa có giá trị và khá quan trọng của mình cho vụ đổi chác. Mọi việc tưởng chừng như đã êm thấm thì đúng lúc đó, thông tin về việc kí kết Hiệp ước Hòa bình Anh-Mỹ về đến London. Nước Anh được thể đòi thêm La Trinite hoặc Sainte-Lucie và đe dọa sẽ xem xét khả năng tiếp tục chiến tranh nếu không được thỏa mãn đòi hỏi thêm ấy. Tình huống này đã càng khiến cho người Pháp tức giận với hành động vi phạm của Mỹ đối với Hiệp ước Liên minh Pháp-Mỹ (nước Mỹ đã bí mật kí kết Hiệp ước Hòa bình riêng rẽ với nước Anh). Một sử gia Pháp đã bất bình viết rằng: *“Hãy xem kết quả của việc người Mỹ kí kết bí mật, nó đã giữ Gibraltar cho nước Anh bằng cách cho phép nước này tăng giá lên và làm chúng ta không thể hạ xuống được”¹¹*. Nói một cách khác, đối với nước Pháp, bằng việc kí kết Hiệp ước Hòa bình riêng rẽ với nước Anh, người Mỹ đã giữ Gibraltar cho kẻ thù và ngăn trở người Pháp trả món nợ đã cam kết với Tây Ban Nha. Trước sự *“tăng giá”* trong thương lượng của người Anh, phe đối lập với Vergennes ở Pháp muốn tiếp tục chiến tranh và lật đổ Vergennes bởi họ không chấp nhận việc kết thúc một cuộc chiến tranh thắng lợi bằng sự hy sinh những tài sản quý giá để làm thỏa mãn Tây Ban

¹⁰ James Breck Perkins, 1911 Sđđ, p.498.

¹¹ Trích dẫn theo: James Breck Perkins, 1911. Sđđ, pp.517-518.

Nha. Ở Anh, Thủ tướng Anh William Petty (bá tước vùng Shelburne) cũng đứng trước khả năng bị lật đổ bởi phe đối lập không chấp nhận trao lại Gibraltar cho Tây Ban Nha - vùng lãnh thổ mà họ xem là “*di sản vinh quang*” do người Anh giành được bằng máu của mình. Tình hình trở nên căng thẳng khi Pháp quyết định tiếp tục chiến tranh. Đúng lúc này, người Anh đề nghị nhường Florida và Minorca thay cho Gibraltar. May mắn thay cho Pháp, vua Tây Ban Nha cuối cùng cũng đã từ bỏ Gibraltar và chấp nhận sự nhượng bộ về lãnh thổ trên của nước Anh. Tháng 1/1783, sau bốn tháng thương lượng, Hiệp ước sơ bộ giữa nước Anh và Liên minh Pháp – Tây Ban Nha đã được kí kết. Với Hiệp ước này, Anh vẫn giữ được Gibraltar, còn Pháp không phải hy sinh các đảo quan trọng của mình. Ngày 3/9/1783, Hiệp ước Hòa bình chấm dứt chiến tranh đã được ký kết chính thức tại Versailles giữa các cường quốc châu Âu bao gồm Anh, Pháp, Tây Ban Nha và Hà Lan (riêng Hà Lan được mời tham dự nhưng không có liên quan gì đến Hiệp ước này, vì Hiệp ước Hòa bình Anh-Hà Lan sau đó được ký riêng rẽ vào năm 1784).

Có thể nói thái độ “*nước đôi*” và những toan tính riêng tư của Tây Ban Nha đã gây khó khăn cho việc đánh giá sự tham gia của nước này trong cuộc Chiến tranh Giành độc lập của nước Mỹ. Cho đến nay, trải qua một thời gian hơn 200 năm, công lao, đóng góp của người Tây Ban Nha đối với Cách mạng Mỹ hầu như vẫn bị đề chìm khuất dưới

những mưu đồ được xem là quá ích kỷ của triều đình Madrid. Điều này khiến cho nhiều người Tây Ban Nha cũng buộc phải lên tiếng đòi hỏi một sự đánh giá công bằng, khách quan hơn. Chính Đại sứ Eduardo Garrigues - Cố vấn cho những vấn đề về người Tây Ban Nha ở châu Mỹ (Hispanics Affairs) ở Bộ Ngoại giao Tây Ban Nha năm 2007 cũng đã phát biểu rằng : “*Trong nhiều cuốn lịch sử, đóng góp của người Tây Ban Nha đối với Cách mạng Mỹ đã bị lơ đãng hay bị đánh giá thấp với niềm tin rằng người Tây Ban Nha đã chỉ ở địa vị phụ thuộc Pháp trong cuộc xung đột quốc tế này, nhưng trên thực tế Pháp đã mất phần lớn lãnh thổ châu Mỹ của mình trong cuộc chiến tranh trước đó (Pháp và người Mỹ bán địa) với nước Anh trong khi Tây Ban Nha vẫn kiểm soát phần lớn lãnh thổ cả ở Bắc và Nam Mỹ. Như những người lãnh đạo của Cách mạng Mỹ đã bày tỏ, không có sự hỗ trợ tài chính và quân sự của Tây Ban Nha, kết quả của chiến tranh có thể đã khác đi*”¹². Đối với các sử gia, những đóng góp của Tây Ban Nha chỉ có thể được đánh giá đúng đắn, khách quan dựa trên cơ sở những phân tích, minh họa cụ thể trong mối tương quan so sánh với những nước châu Âu khác (như Pháp, Hà Lan...) cũng cùng tham gia vào cuộc chiến tranh liên quan đến nền độc lập của nước Mỹ cuối thế kỉ XVIII.

12

<http://www.somosprimos.com/sp2008/spmar08/spmai08.htm#Revolution>